

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SXKD XNK DV&ĐT TÂN BÌNH (TANIMEX)**



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN**

**Niên độ tài chính
Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018**

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019



PHẦN 1:
BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2018
Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018

I. TỔNG QUÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM:

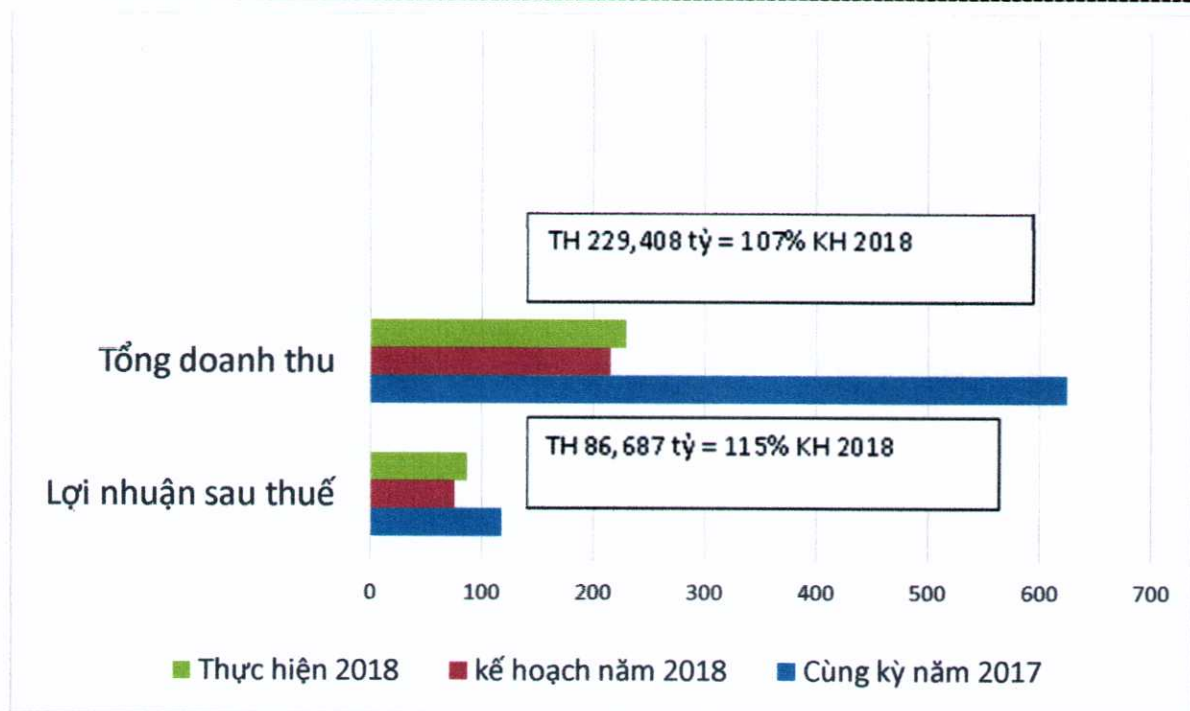
1. KẾT QUẢ KINH DOANH:

1.1. DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)	
					So với cùng kỳ năm 2017	So với kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	624.507	215.100	229.408	37%	107%
2	Tổng chi phí	479.328	121.100	121.439	25%	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	145.178	94.000	107.969	74%	115%
4	Lợi nhuận sau thuế	117.537	75.600	86.687	74%	115%

*** Biểu đồ minh họa:**



*** Phân tích:**

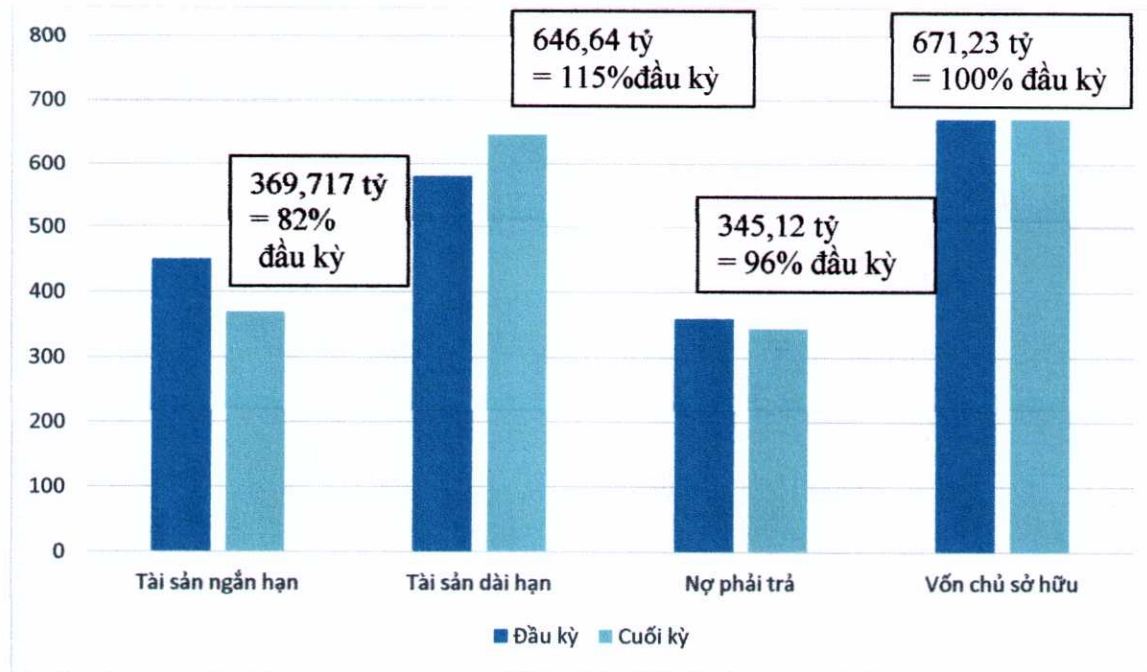
- Tổng doanh thu năm 2018, so sánh với doanh thu năm 2017 chỉ đạt 37% là do năm 2017 ghi nhận 100% doanh thu của chung cư Sơn Kỳ 1; so với kế hoạch doanh thu năm 2018, kết quả thực hiện đạt 107%, vượt 7% so với kế hoạch đề ra
- Về Lợi nhuận sau thuế, tương tự năm 2017 công ty ghi nhận Lợi nhuận từ chung cư Sơn Kỳ, nên so sánh với cùng kỳ 2017 LNST chỉ đạt 75%, nhưng so với kế hoạch LN đầu năm, kết quả thực hiện năm nay đạt 115% kế hoạch, vượt chỉ tiêu kế hoạch về LNST là 15% .

1.2. TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Đầu kỳ	Cuối kỳ	So sánh
A	Tài sản	1.030.417	1.016.360	99%
1	Tài sản ngắn hạn	450.314	369.717	82%
2	Tài sản dài hạn	580.103	646.643	115%
B	Nguồn vốn	1.030.417	1.016.360	99%
1	Nợ phải trả	360.303	345.125	96%
2	Vốn chủ sở hữu	670.114	671.235	100%

*Biểu đồ minh họa:



***Phân tích:** Cuối năm tổng tài sản và nguồn vốn biến động không đáng kể. Tuy nhiên trong cơ cấu tài sản có sự thay đổi: tài sản ngắn hạn giảm 82% và tài sản dài hạn tăng 115% so với đầu năm là do trong năm Công ty chuyển cơ cấu từ đầu tư ngắn hạn sang đầu tư dài hạn.

2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ NỘI LỰC CÔNG TY:

STT	CHỈ TIÊU	CÙNG KỲ NĐTC 2017	THỰC HIỆN NĐTC 2018
1	EPS (đ/CP) (LNST/ Số lượng CP) <i>Earning Per Share</i>	4.048	2.855
2	ROS (LNST/ Doanh thu thuần) <i>Return On Sales</i>	19,89%	47,46%
3	ROA (LNST/Tổng TS) <i>Return On Assets</i>	11,4%	8,53%
4	ROE (LNST/Vốn chủ SH) <i>Return On Equity</i>	17,54%	12,91%



3. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĐTC 2018:

Trong niên độ tài chính 2018, doanh thu và lợi nhuận thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh ổn định của Công ty như: cho thuê mặt bằng, kho xưởng, đầu tư tài chính ...

* **Cho thuê kho xưởng:** doanh thu từ hoạt động cho thuê kho xưởng duy trì ở sự phát triển bền vững, mang về nguồn lợi nhuận ổn định cho công ty, cụ thể như sau:

+ Tại KCN Tân Bình I:

- Tổng cộng 12 kho với diện tích 47.166 m² đã được lấp đầy 100%.
- Kho - Nhà xe cao tầng số 1: Diện tích 8.507m², chuẩn bị bàn giao trong Quý 1/2019.
- Kho - Nhà xe cao tầng số 2: diện tích 5.551,5m². Đã cho thuê 100% diện tích

+ Tại KCN Tân Bình II:

- Tổng cộng 12 kho với diện tích 63.711 m² đã được lấp đầy 100%.

4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA BÊN NGOÀI:

4.1. Đầu tư các công ty liên kết:

- **Tổng số doanh nghiệp đầu tư vốn đầu kỳ : 11 đơn vị**
- **Thay đổi trong kỳ:**
 - + Giảm: 01 đơn vị - Công ty Kim Cương: Thoái vốn 100%
 - + Tăng : 02 đơn vị , đầu tư góp vốn mới trong kỳ
 - 1. Công ty cổ phần dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn: Lĩnh vực hoạt động: Cho thuê kho xưởng. Tỷ lệ góp vốn 49% VĐL
 - 2. Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Đức Nhân. Lĩnh vực hoạt động: Giáo dục. Tỷ lệ góp vốn 40% VĐL
 - + Chuyển công ty Việt Phát sang loại hình đầu tư tài chính (do không tham gia ban điều hành của đơn vị)
- **Tổng số doanh nghiệp đầu tư cuối kỳ (đến 30/9/2018): 11 đơn vị**



1. Công ty Taniservice: tỷ lệ sở hữu 33%
 2. Công ty Hưng Phát: tỷ lệ sở hữu 19%
 3. Công ty Thịnh Phát: tỷ lệ sở hữu 48.33%
 4. Công ty Minh Phát: tỷ lệ sở hữu 27.5%
 5. Công ty Giá Trị: tỷ lệ sở hữu 40%
 6. Công ty Tân Phú: tỷ lệ sở hữu 39.67%
 7. Công ty Trí Đức: tỷ lệ sở hữu 31,69 %
 8. Công ty Đức Nhân: tỷ lệ sở hữu 40%
 9. Công ty Tanicons: tỷ lệ sở hữu 35,11%
 10. Công ty Logistics Nam Sài Gòn: tỷ lệ sở hữu 49%
 11. Công ty Kiến Đức: tỷ lệ sở hữu 12%
- Hiệu quả đầu tư vốn năm 2018: **8,7** tỷ đồng tương đương tỷ lệ 6%

4.2. Đầu tư tài chính khác :

- Công ty lương thực Nam Trung Bộ
- Công ty ITL
- Công ty Việt Phát

4.3. Tổng số vốn đã sử dụng đầu tư tài chính cuối kỳ:

Tính tại thời điểm 30/9/2018: **216,302 tỷ đồng.**

II. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Cơ cấu cổ đông:

Tổng số lượng cổ đông chốt danh sách ngày 02/11/2018 là 301 cổ đông, số lượng không thay đổi so với cùng kỳ NĐTC năm 2017. Thống kê chi tiết cơ cấu cổ đông NĐTC năm 2018 như sau:

Đối tượng	Ngày chốt 28/11/2017		Ngày chốt 02/11/2018		Biến động tăng/giảm năm 2018 so với năm 2017
	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ	Số lượng CP sở hữu
1. Trong nước	24,048,319	91.09%	24,048,773	91.09%	454
1.1 Cá nhân	8,107,172	30.71%	7,759,112	29.39%	- 348,060
1.2 Tổ chức	15,941,147	60.38%	16,289,661	61.70%	348,514
2. Nước ngoài	2,351,681	8.91%	2,351,227	8.91%	- 454
2.1 Cá nhân	26,530	0.1%	22,960	0.9%	- 3,570
2.2 Tổ chức	2,325,151	8.81%	2,328,267	8.82%	3,116
CỘNG:	26,400,000	100%	26,400,000	100.00%	-

2. Ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động quản trị và sản xuất:

- Công ty duy trì việc ứng dụng các tiện ích từ văn phòng điện tử eoffice. Các công văn trong hệ thống được luân chuyển nhanh chóng, chính xác và thông suốt.
- Hệ thống lưu trữ công văn được thực hiện hiệu quả với khối lượng lớn để phục vụ nhanh chóng cho việc trích lục, sao chiếu...

3. Công tác đào tạo và định hướng cơ cấu nhân sự:

- Đào tạo bên ngoài: Năm qua Công ty đã cử 40 lượt CBNV đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ với chi phí 47,12 triệu đồng.
- Chương trình Teambuilding toàn hệ thống Tanimex được duy trì và triển khai đều đặn 2 năm/ lần là chương trình đào tạo nội bộ, huấn luyện đội nhóm song song với việc đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Chương trình trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên được công ty đặc biệt quan tâm để tạo nguồn lực cho các kế hoạch phát triển trong thời gian tới của Tanimex.

4. Chăm lo đời sống cho người lao động:



định pháp luật đều được Công ty tuân thủ, tạo dựng được niềm tin cho các nhà đầu tư.

III. DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĐTC 2018:

- Căn cứ tỷ lệ trích lập các nguồn quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/01/2018.
- Căn cứ kết quả doanh thu, lợi nhuận đã được kiểm toán; Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2018, trong đó đề xuất tăng tỷ lệ chia cổ tức từ 20% lên 25% (tăng 5% so với Nghị Quyết).
- Bảng phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2018 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Thành tiền
I/ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	100%	86.686.803.079
Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	4.334.340.154
II/ LỢI NHUẬN CÒN LẠI	95%	82.352.462.925
1. Chia cổ tức 25%/ năm	76,14%	66.000.000.000
2. Thù lao HĐQT	0,69%	600.000.000
3. Thù lao BKS	0,35%	300.000.000
4. Thưởng vượt KH (15% LN vượt)	1,92%	1.663.020.462
5. Quỹ khen thưởng CNV	5,00%	4.334.340.154
6. Quỹ phúc lợi CNV	3,00%	2.600.604.092
7. Quỹ phúc lợi XH	4,00%	3.467.472.123
8. Lợi nhuận để lại	3,91%	3.387.026.094



a) Tình hình lao động:

Diễn giải	Bình quân năm 2018	Bình quân năm 2017	So sánh
Lao động trực tiếp	49	74	66%
Lao động gián tiếp	65	65	100%
Tổng số lao động	114	139	82%

b) Chăm lo đời sống cho người lao động:

- Thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, tiền lương
- Khám sức khỏe tổng quát định kỳ
- Cho CBNV vay lãi suất 0%. Tổng cộng trong năm qua có 74 lượt CBNV được vay tương đương 1,35 tỉ đồng.
- Trao học bổng cho con em CBNV có thành tích học tập với kinh phí năm 2018 là 153 triệu đồng.
- Thưởng cho con em CB-NV đạt thành thành tích trong học tập: 53 triệu.
- Thu nhập bình quân năm 2018 đạt 13.100.000đ/người/tháng, tăng 11% so với thu nhập bình quân năm 2017.

5. Giám sát hoạt động của Ban Điều Hành:

- HĐQT luôn theo dõi sát sao và đánh giá cao công tác điều hành doanh nghiệp của Ban Điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc;
- Nhìn chung trong niên độ tài chính năm 2018, Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao.

6. Công khai tài chính và công bố thông tin hoạt động của doanh nghiệp:

- Công ty thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch hoạt động của DN.
- Các báo cáo tài chính hàng quý, năm đều được công bố thông tin đúng thời gian quy định; tất cả những vấn đề phải công bố thông tin theo quy



IV. KẾT LUẬN:

- HĐQT đã định hướng hoạt động SXKD công ty Tanimex đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám Đốc điều hành và Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban kiểm soát và Ban điều hành;
- Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;
- Công ty đã chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH TÂM



PHẦN 2 :

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội khóa XIII , kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 .
- Căn cứ Điều lệ của Công ty SXKD – XN K Dịch Vụ & ĐT Tân Bình (Tanimex) đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 15/01/2016
- Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Công ty SXKD-XNK Dịch Vụ Và Đầu Tư Tân Bình (Tanimex) NĐTC từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty SXKD-XNK Dịch Vụ Và Đầu Tư Tân Bình (Tanimex) trong niên độ tài chính từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 như sau:

I/ Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát theo chức năng nhiệm vụ quy định trong Luật DN, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty. Cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hằng năm của Công ty.

II/ Kết quả thẩm định báo cáo tài chính niên độ kế toán từ 01/10/2017 đến 30/09/2018

1. Kết quả hoạt động kinh doanh.



Đơn vị tính : triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng Doanh Thu	215,100	229,408	106.65
2	Tổng Chi Phí	121,100	121,439	100.28
3	Lợi Nhuận trước thuế	94,000	107,969	114.86
4	Lợi Nhuận sau thuế	75,600	86,687	114.66
5	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đ/CP)		2,855	

***Nhận xét chung về kết quả hoạt động kinh doanh:**

- Doanh thu thực hiện trong niên độ tài chính 2018 chủ yếu là những hoạt động thường xuyên và ổn định của của Công ty như : hoạt động cho thuê kho xưởng , cho thuê lại đất , cho thuê mặt bằng v.v....
- Các dự án khác như : dự án đầu tư xây dựng 2000 căn hộ chung cư trên địa bàn quận Bình Tân và dự án 300 căn nhà ở cho người có thu nhập thấp đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ pháp lý.
- Các công trình: nhà xe cao tầng số 1, nhà xe cao tầng số 2 và công trình văn phòng khu công nghiệp Tân Bình đang trong giai đoạn thi công .

2. Tình hình tài chính tại thời điểm 30/9/2018

Đơn vị tính : triệu đồng

Tài Sản	Số đầu năm	Số cuối năm	Nguồn vốn	Số đầu năm	Số cuối năm
A.Tài sản ngắn hạn	450,314	369,717	A.Nợ phải trả	360,302	345,125
1.Tiền và các khoản T/đương tiền	73,901	116,772	1.Nợ ngắn hạn	114,599	88,116
2.Đầu tư tài chính ngắn hạn	218,000	112,320	2.Nợ dài hạn	245,703	257,009



3.Các khoản phải thu ngắn hạn	44,675	30,921			
4.Hàng tồn kho	112,884	108,856			
5.TS ngắn hạn khác	854	848			
B.Tài sản dài hạn	580,103	646,643	B.Vốn chủ sở hữu	670,115	671,235
1.Phải thu dài hạn	4,600	1,851	1. Vốn góp của CSH	264,000	264,000
2.Tài sản cố định	40,654	31,829	2.Thặng dư vốn cổ phần	116,869	116,819
3.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	170,515	233,129	3.Quỹ đầu tư phát triển	141,155	147,032
4.Tài sản dài hạn khác	364,334	379,834	4. LNST chưa phân phối	148,091	143,384
Tổng tài sản	1,030,417	1,016,360	Tổng nguồn vốn	1,030,417	1,016,360

***Nhận xét chung về tình hình tài chính:**

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn:

- Về tài sản : tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 36,38 % tổng giá trị tài sản , tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 66,62% tổng giá trị tài sản .
- Về nguồn vốn :
 - + Tỷ trọng nợ phải trả: 33.96% / tổng nguồn vốn (trong đó tỷ trọng nợ ngắn hạn: 25,53% và tỷ trọng nợ dài hạn: 74,47% / tổng nguồn vốn)
 - + Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng 66,04% / tổng nguồn vốn

Một số chỉ tiêu tài chính:

- Hệ số thanh toán nhanh: 2,95 lần
- Đòn cân nợ trên vốn chủ sở hữu : 51,42%
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) : 2.855 đ/CP
- Tỷ số lợi nhuận trên doanh thu (ROS) : 47,46%
- Tỷ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) : 8,53%
- Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): 12,91%
- Hệ số bảo toàn vốn ($H = (\text{Tổng Tài sản} - \text{Nợ phải trả}) / \text{vốn góp chủ sở hữu}$): 2,54 lần

III/ Kết luận và kiến nghị:



Niên độ tài chính 2018 đã kết thúc , Công ty SXKD – XNK Dịch Vụ và Đầu Tư Tân Bình (Tanimex) đã hoàn thành nghị quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua .

Đạt được thành quả trên là do nỗ lực của Hội Đồng Quản Trị đã đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời và thường xuyên lãnh đạo , chỉ đạo Ban Điều Hành thực hiện nghị quyết của ĐH Đồng cổ đông theo đúng điều lệ của Công Ty và tuân thủ Pháp luật nhà nước .

Ban Điều Hành đã có các giải pháp kịp thời trong công tác lãnh đạo chỉ đạo , tổ chức thực hiện các chủ trương của Hội Đồng Quản Trị, tinh giản bộ máy , từng bước hoàn thiện các quy trình quản lý , áp dụng tin học vào công tác quản lý . Thường xuyên kiểm tra , đôn đốc các phòng ban thực hiện đúng tiến độ kế hoạch và các quy trình quản lý đã đề ra , cùng với tập thể người lao động hoàn thành tốt kế hoạch năm 2018 .

Công tác ghi chép sổ sách kế toán được kịp thời , chính xác , đúng quy định pháp luật , thực hiện các báo cáo tài chính định kỳ hằng quý , 6 tháng và năm tài chính đúng tiến độ . Cùng phối hợp thực hiện với các phòng ban có liên quan công bố thông tin kịp thời . Thực hiện thường xuyên công tác cập nhật các chính sách chế độ có liên quan về nghiệp vụ kế toán và thuế . Thực hiện tốt công tác mời đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 06 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm .

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo tổng kết tình hình SXKD thuộc NĐTC từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc Công ty SXKD – XNK Dịch Vụ và Đầu Tư Tân Bình (Tanimex)

Trên đây là những ý kiến của Ban kiểm soát đối với các mặt hoạt động của Công ty SXKD – XNK Dịch Vụ và Đầu Tư Tân Bình (Tanimex) trong năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2018 xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng .

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Nguyễn Thị Hảo



PHẦN 3:
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2019
(TỪ 01/10/2018 ĐẾN 30/9/2019)

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH:

1.KẾ HOẠCH DOANH THU – LỢI NHUẬN:

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính năm 2018, các nguồn dự báo tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung và khả năng nội tại của doanh nghiệp, Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh KH 2019/TH2018
1	Tổng Doanh Thu	229.408	252.700	110%
2	Tổng chi phí	121.439	144.600	119%
3	Lợi nhuận trước thuế	107.969	108.100	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	86.687	87.200	101%
5	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	25%	25%	100%

• **Đánh giá chung:**

Doanh thu và lợi nhuận niên độ tài chính năm 2019 sẽ không có nhiều biến động so với niên độ năm 2018, năm 2019 sẽ là năm tiếp tục duy trì ổn định các hoạt động hiện có và chủ lực của công ty là kinh doanh cho thuê nhà xưởng, văn phòng và một số dịch vụ. Các dự án trọng tâm về địa ốc của công ty trong năm 2019 vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở pháp lý để sẵn sàng khởi công xây dựng phù hợp với xu thế thị trường.

2. CÔNG TÁC TRỌNG TÂM:



Để thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cũng như các kế hoạch sản xuất kinh doanh trong NĐTC 2019, Công ty sẽ tập trung vào các công tác trọng tâm như sau:

2.1. Trong công tác đầu tư kinh doanh bất động sản và nhà xưởng:

***Triển khai pháp lý Dự án Nhà ở XH tại khu công nghiệp Tân Bình II:**

- Quy mô: 9 tầng, diện tích sàn xây dựng 33.073 m²
- Tổng số căn hộ: 329
- Vốn đầu tư dự kiến: 327 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện: dự kiến hoàn thiện cơ sở pháp lý và khởi công trong quý 4/2019

***Triển khai Dự án Chung Cư Bình Tân tại KCN Tân Bình II (Milky Way)**

- Quy mô: 16 tầng, diện tích sàn xây dựng 201.155m²
- Tổng số căn hộ: 1.960
- Vốn đầu tư dự kiến: 2.452 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện: dự kiến trình phê duyệt dự án và khởi công trong quý 4/2019

*** Triển khai Dự án Kho Long Hậu tại Cần Giuộc , Long An**

- Tổng diện tích đất : 38.500 m²
- Vốn đầu tư dự kiến : 235 tỷ
- Tiến độ thực hiện: đang chờ KCN Long Hậu bàn giao quỹ đất để tiến hành xây dựng nhà xưởng, dự kiến trong Quý 3/2019.

***Khai thác và vận hành tốt 02 nhà kho đa năng tại KCN Tân Bình:**

+ Kho số 1:

- Vị trí: Đường CN 13- KCN Tân Bình I, phường Tây Thạnh
- Quy mô xây dựng: 05 tầng ; diện tích XD 8.507 m²

+ Kho số 2:

- Vị trí: Đường CN 13- KCN Tân Bình I, phường Sơn Kỳ
- Quy mô xây dựng: 05 tầng ; diện tích XD 5.551,5 m²

*** Xây dựng và đưa vào hoạt động công trình Văn phòng BQL KCN TB trong quý 3/2019:**



- Vị trí: Đường CN 13- KCN Tân Bình I
- Quy mô xây dựng: 05 tầng, diện tích XD 1.590 m²
- Tổng vốn đầu tư: 18,04 tỷ đồng

2.2.Trong các hoạt động kinh doanh khác:

- Quản lý tốt hoạt động đầu tư, pháp lý, duy tu hạ tầng và công tác xử lý nước thải bảo vệ môi trường tại KCN Tân Bình I & II.
- Tiếp tục khai thác ổn định hệ thống nhà xưởng cho thuê tại KCN Tân Bình I & II mang doanh thu và lợi nhuận tốt nhất cho đơn vị.
- Tăng cường hiệu quả đầu tư tài chính tại các công ty liên kết, tạo sức mạnh trong công tác kinh doanh hệ thống, mang lại lợi nhuận cho công ty

3. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG NLĐ:

- Công khai minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chăm lo tốt đời sống cho CB CNV tại công ty, nâng cao chất lượng đời sống vật chất tinh thần của lực lượng lao động là yếu tố nòng cốt của công ty.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trong các hoạt động kinh doanh.

II. DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĐTC 2019:

Hội đồng quản trị dự kiến tỷ lệ trích lập các quỹ của công ty trong phân phối lợi nhuận niên độ tài chính năm 2019 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Thành tiền
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	100%	87,200,000,000
Chia cổ tức 25%/ năm- tạm tính cho vốn điều lệ mới 300 tỷ	86.01%	75,000,000,000
Thù lao HĐQT	0.69%	600,000,000
Thù lao BKS	0.34%	300,000,000
Thưởng vượt KH (15% LN vượt)		
Quỹ khen thưởng CNV - 5% LN ST	5.00%	4,360,000,000
Quỹ phúc lợi CNV - 3% LN ST	3.00%	2,616,000,000
Quỹ phúc lợi XH - 4% LN ST	4.00%	3,488,000,000
Lợi nhuận để lại	0.96%	836,000,000



III. KẾT LUẬN:

Dựa trên dự đoán kinh tế Việt Nam năm 2019 như: Tiếp tục được hưởng lợi nhờ triển vọng lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu, các yếu tố tích cực nội tại như môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn, niềm tin vào cải cách môi trường đầu tư kinh doanh..., Cùng với chiến lược đầu tư linh hoạt của doanh nghiệp, Hội Đồng Quản Trị công ty Tanimex định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp như sau:

- Kiểm soát tốt chi phí;
- Quyết liệt thúc đẩy hồ sơ pháp lý các dự án;
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành và công khai minh bạch các hoạt động với cổ đông;
- Thực hiện quyết liệt và đồng bộ các tiêu chí, định hướng đã đề ra;
- Tạo sự đồng lòng, đoàn kết, thống nhất của toàn hệ thống;

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Tanimex tin tưởng sẽ thực hiện thắng lợi những mục tiêu đã đề ra, đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH TÂM



PHẦN 5:

BÁO CÁO THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Để có nguồn kinh phí cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát công ty triển khai các công tác do Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty giao trong NĐTC 2019, kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Mức thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát niên độ tài chính từ ngày 01/10/2018 đến 30/9/2019 là : 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), trong đó bao gồm tiền thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và BKS.
2. Thưởng vượt kế hoạch 15% trên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban Điều Hành và cán bộ quản lý toàn Công ty trong trường hợp kết quả thực hiện niên độ tài chính từ ngày 01/10/2018 đến 30/9/2019 có lợi nhuận sau thuế vượt mức kế hoạch đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty thông qua tại Đại hội thường niên năm nay.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH TÂM



PHẦN 6:

CHỈNH SỬA ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung điều chỉnh	Lý do
Điều 5. Vốn điều lệ	1. Vốn điều lệ của Công ty là 264.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tư tỷ đồng) -Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 26.400.000 cổ phần -Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần Trong đó: -Cổ phần phổ thông: 26.400.000 cổ phần (Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bốn trăm ngàn cổ phần) Trị giá: 264.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tư tỷ đồng)	2. Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bai trăm tỷ đồng) -Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 30.000.000 cổ phần -Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần Trong đó: -Cổ phần phổ thông: 30.000.000 cổ phần (Bằng chữ: Ba mươi triệu cổ phần) Trị giá: 300.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)	Tăng vốn sau đợt phát hành cổ phiếu (theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2018)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH TÂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		369.717.290.775	450.313.918.336
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	116.771.627.995	73.900.619.283
1. Tiền	111		42.171.627.995	42.383.619.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.600.000.000	31.517.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		112.319.870.206	218.000.075.501
1. Chứng khoán kinh doanh	121		75.501	75.501
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	112.319.794.705	218.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.921.576.539	44.674.748.151
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	22.565.102.824	30.576.050.096
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.832.926.074	2.058.390.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	4.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.594.376.522	8.040.308.055
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(70.828.881)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		108.856.011.463	112.883.985.253
1. Hàng tồn kho	141	V.7	108.856.011.463	112.883.985.253
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		848.204.572	854.490.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	87.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	848.204.572	767.490.148
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		646.642.951.980	580.102.691.588
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.850.976.946	4.600.115.683
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	3.966.579.077	6.715.717.814
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(2.115.602.131)	(2.115.602.131)
II. Tài sản cố định	220		31.828.621.138	40.653.728.408
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	31.621.398.921	40.613.228.409
- Nguyên giá	222		153.435.517.458	174.912.757.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.814.118.537)	(134.299.529.286)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	207.222.217	40.499.999
- Nguyên giá	228		337.000.000	107.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(129.777.783)	(66.500.001)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	194.811.806.809	209.103.651.555
- Nguyên giá	231		396.959.743.214	380.226.123.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(202.147.936.405)	(171.122.471.766)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.981.558.862	13.048.201.811
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	39.981.558.862	13.048.201.811
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		233.128.791.085	170.515.411.523
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	182.421.250.009	137.721.250.009
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	33.881.250.000	17.481.250.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.173.708.924)	(4.687.088.486)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	20.000.000.000	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		145.041.197.140	142.181.582.608
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	142.707.966.160	136.357.981.992
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	2.333.230.980	5.823.600.616
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.016.360.242.755	1.030.416.609.924

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		345.125.029.284	360.302.308.982
I. Nợ ngắn hạn	310		88.116.431.296	114.599.463.859
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	5.515.638.868	11.376.152.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.025.735	1.842.032
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.671.690.706	2.755.777.090
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.663.065.903	6.991.329.698
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17a	70.058.182	439.668.727
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	10.446.130.754	11.556.195.356
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	34.454.485.826	66.489.490.888
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.932.000.000	1.027.922.319
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	25.359.335.322	13.961.085.130
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		257.008.597.988	245.702.845.123
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17b	71.127.833.539	82.513.810.737
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	118.538.327.001	123.423.495.955
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	60.880.055.142	39.765.538.431
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	6.462.382.306	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		671.235.213.471	670.114.300.942
I. Vốn chủ sở hữu	410		671.235.213.471	670.114.300.942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	264.000.000.000	264.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		264.000.000.000	264.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	116.819.317.127	116.869.317.127
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	147.031.853.857	141.154.994.496
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	143.384.042.487	148.089.989.319
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		83.097.239.408	148.089.989.319
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		60.286.803.079	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.016.360.242.755	1.030.416.609.924


 Nguyễn Thị Ngọc Thơm
 Người lập


 Hà Thị Thu Thảo
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2018


 Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

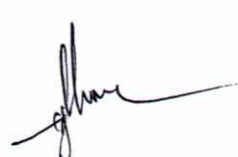
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	182.656.265.615	591.035.997.243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	11.363.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.656.265.615	591.024.633.607
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.242.794.469	397.868.577.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.413.471.146	193.156.055.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.872.939.636	33.057.437.895
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.378.637.971	558.680.332
Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.974.757	419.554.348
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	44.117.804.234	58.647.643.827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.584.542.581	22.217.551.618
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.205.425.996	144.789.617.938
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17.878.520.568	424.670.909
12. Chi phí khác	32	VI.8	115.317.794	35.919.526
13. Lợi nhuận khác	40		17.763.202.774	388.751.383
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107.968.628.770	145.178.369.321
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	17.791.456.055	27.641.182.104
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	3.490.369.636	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		86.686.803.079	117.537.187.217
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.855	4.048
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.855	4.048

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2018


 Nguyễn Thị Ngọc Thơm
 Người lập


 Hà Thị Thu Thảo
 Kế toán trưởng


 Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		214.283.801.724	327.866.941.226
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(59.741.517.322)	(145.227.030.626)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.357.547.828)	(25.417.017.290)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(74.373.642)	(594.981.887)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	(17.301.067.317)	(26.456.166.440)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.584.335.027	29.280.902.916
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(52.205.187.942)	(56.059.492.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		93.188.442.700	103.393.155.857
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(66.704.164.507)	(73.596.745.761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		605.000.000	60.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(141.698.317.080)	(266.915.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		251.800.000.000	218.515.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(72.700.000.000)	(43.450.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2, VI.4 V.5, VI.3,	10.251.982.224	23.698.020.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	26.654.822.495	24.211.964.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.209.323.132	(117.476.761.196)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	48.062.295.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	22.394.382.306	35.923.261.902
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(15.027.922.319)	(37.939.739.583)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, V.22	(65.900.054.200)	(48.075.826.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.533.594.213)	(2.030.008.681)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		42.864.171.619	(16.113.614.020)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73.900.619.283	90.010.368.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.837.093	3.864.425
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	116.771.627.995	73.900.619.283


 Nguyễn Thị Ngọc Thơm
 Người lập


 Hà Thị Thu Thảo
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2018


 Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc